

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117 và Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lò Thị Tuyết M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn Q, xã P huyện L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn Q, xã P huyện L, tỉnh L. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/02/2023.

Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1979. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Lò Thị Tuyết M và vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Đinh Thị L thống nhất thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 26/02/2022 giữa vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Đinh Thị L và chị Lò Thị Tuyết M. Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Đinh Thị L đồng ý trả lại cho chị Lò Thị Tuyết M số tiền đặt cọc là 116.000.000đ (*Một trăm mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Đinh Thị L tự nguyện nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc cho chị Lò Thị Tuyết M. Cộng chung vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Đinh Thị L tự nguyện nhận chịu 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Lò Thị Tuyết M số tiền 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012422 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị H